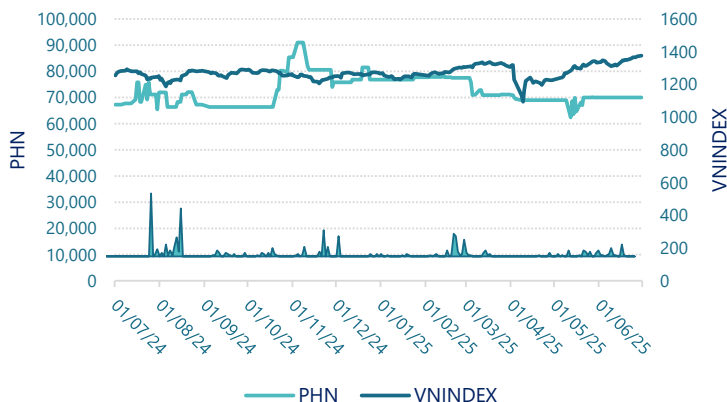




CTCP Pin Hà Nội (HNX: PHN)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	70,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	91,029
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	62,417
SL cổ phiếu LH	7,253,911
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
% sở hữu nước ngoài	49.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	508
P/E	11.5
EPS	6,098

DT thuần

Q2/25

83.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▼29.5| -26.1%

YoY: ▼9.50| -10.3%

LN sau thuế

Q2/25

8.16

tỷ VNĐ

QoQ: ▼3.44| -29.6%

YoY: ▼4.24| -34.2%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

12.6%

+/- YoY: ▼ 4.2%

DT thuần

6T 2025

197

tỷ VNĐ

YoY: ▼22.0| -10.1%

LN sau thuế

6T 2025

19.8

tỷ VNĐ

YoY: ▼14.1| -41.7%

ROE

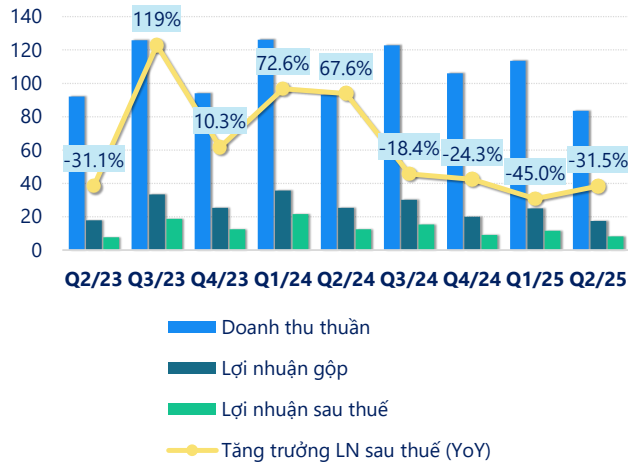
Q2/25

29.5%

+/- YoY: ▼ 16.8%

tỷ VNĐ

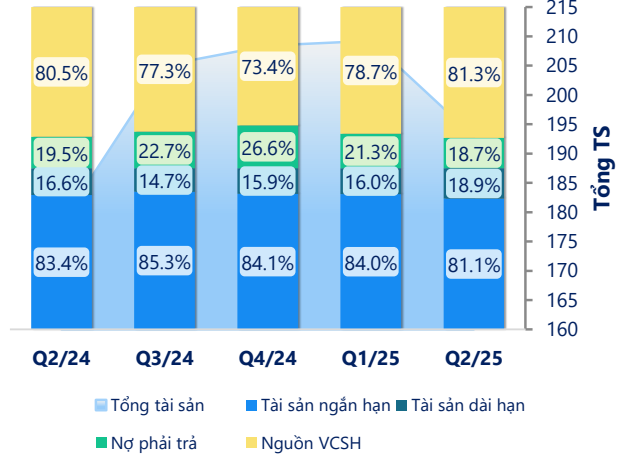
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

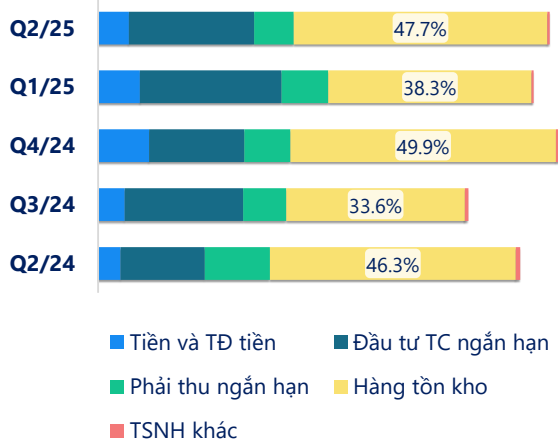
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



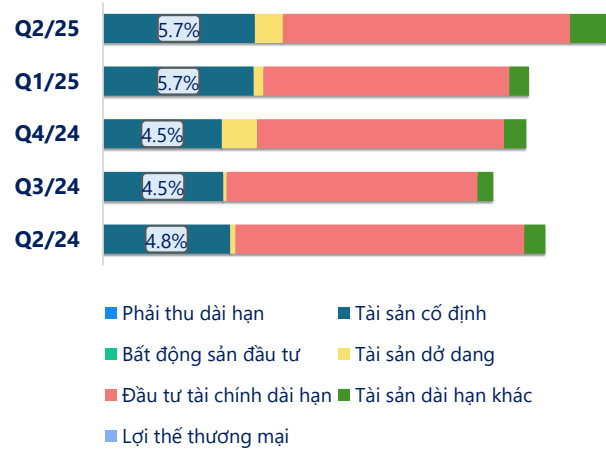
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

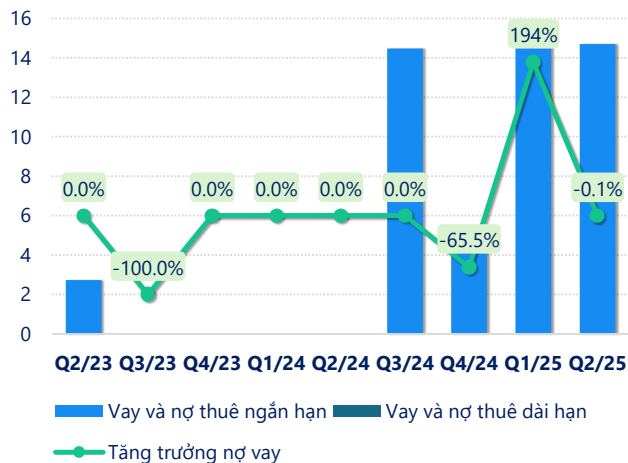
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

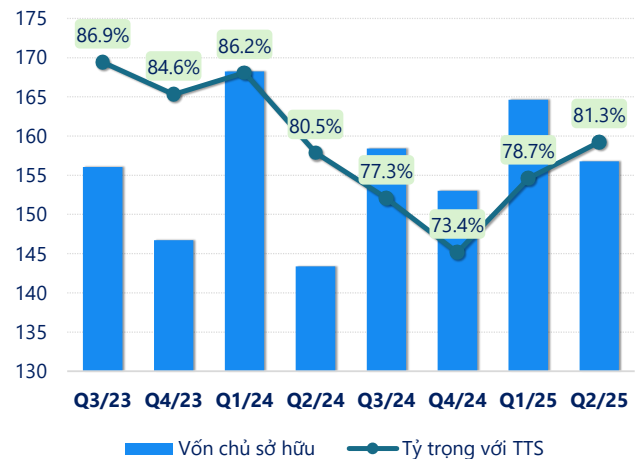
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

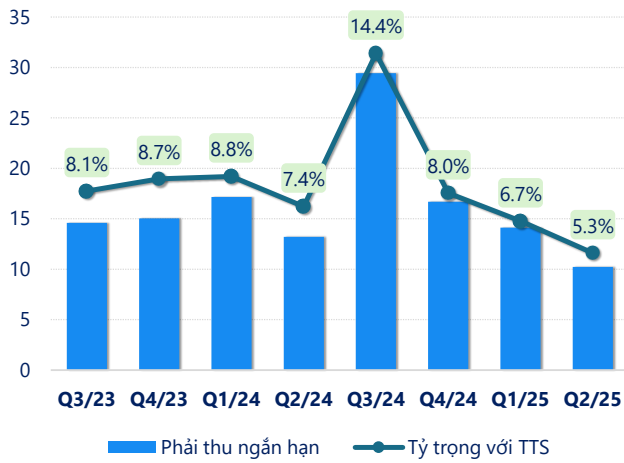
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



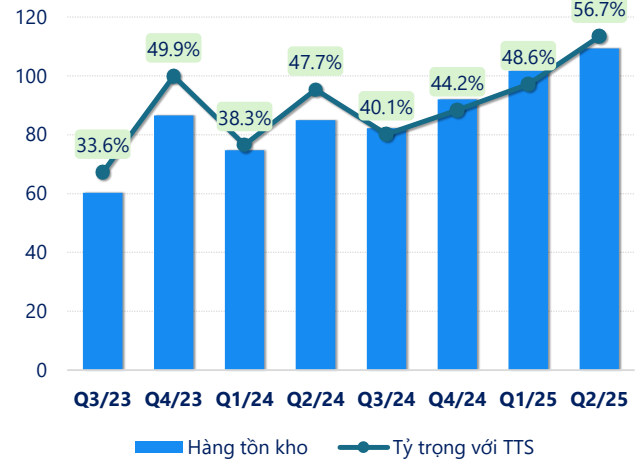
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


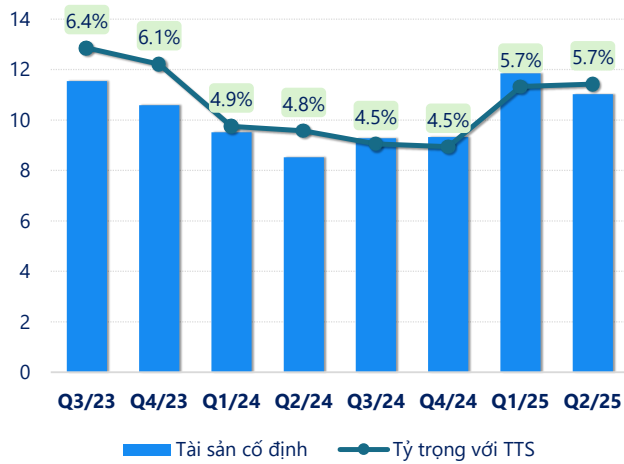
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


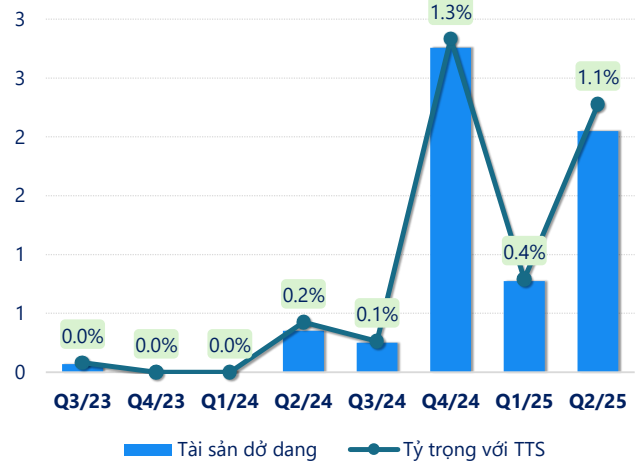
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

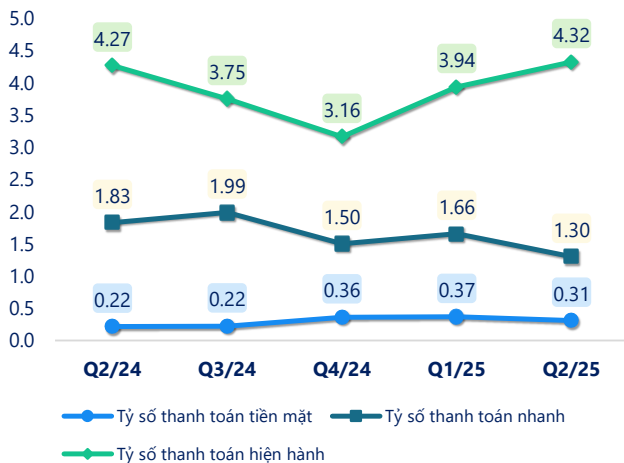
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

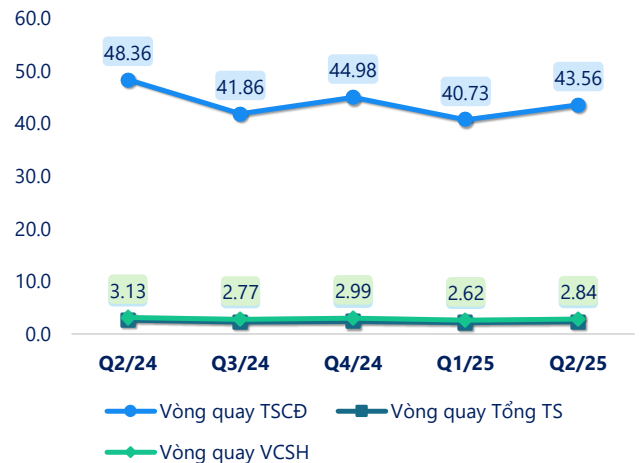
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	178	205	208	209	193
Tài sản ngắn hạn	149	175	175	176	156
Tiền và tương đương tiền	7.54	10.3	20.0	16.5	11.2
Đầu tư tài chính ngắn hạn	42.0	52.0	44.0	41.4	23.4
Phải thu ngắn hạn	13.2	29.4	16.7	14.1	10.2
Hàng tồn kho	84.9	82.2	92.1	102	109
Tài sản ngắn hạn khác	0.80	1.00	2.40	2.03	2.26
Tài sản dài hạn	29.6	30.1	33.2	33.5	36.5
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	8.53	9.28	9.32	11.9	11.0
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.35	0.25	2.76	0.77	2.05
Đầu tư tài chính dài hạn	19.4	19.4	19.4	19.4	20.8
Tài sản dài hạn khác	1.40	1.22	1.75	1.55	2.63
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	34.8	46.6	55.4	44.6	36.2
Nợ ngắn hạn	34.8	46.6	55.4	44.6	36.2
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	14.5	4.99	14.7	14.7
Phải trả người bán ngắn hạn	14.4	9.81	13.5	14.4	5.61
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	143	158	153	165	157
Vốn chủ sở hữu	143	158	153	165	157
Vốn điều lệ	72.5	72.5	72.5	72.5	72.5
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)